

Bản án số: 170/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 12 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Bích T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp Thuận H, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Tùng C, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Thuận H, xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Dương Bích T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và Phạm Tùng C chung sống với nhau năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Đ. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, Phạm Tùng C thường xuyên ra ngoài uống rượu về gây sự, có lần còn đánh đập chị. Những lần xảy ra mâu thuẫn có chính quyền địa phương cũng như thân tộc đến can thiệp nhưng Phạm Tùng C vẫn không sửa đổi tính tình, không chăm lo săn sóc vợ con. Đến năm 2020 chị phát hiện Phạm Tùng C có quan hệ với người phụ nữ khác làm cho tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Nay chị T yêu

cầu được ly hôn với Phạm Tùng C.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 17/3/2011 và Phạm Gia Kh, sinh ngày 17/01/2019, hiện 02 con đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu Phạm Tùng C cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 745.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ khi Tòa án xét xử sơ thẩm đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Tùng C: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Phạm Tùng C nhưng anh không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T và không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Phạm Tùng C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị T và Phạm Tùng C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T xác định do Phạm Tùng C thường xuyên uống rượu về gây sự, có lần còn đánh đập chị, trong cuộc sống không chăm lo cho vợ con, có quan hệ với người phụ nữ khác, anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay. Từ các nguyên nhân trên, chị T nhận thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với Phạm Tùng C. Đối với Phạm Tùng C không có ý kiến phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị T cho thấy anh không có nguyện vọng để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn Phạm Tùng C là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, xét thấy: Tại đơn trình bày nguyện vọng của Phạm Gia K thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị T khi cha, mẹ ly hôn; đối với Phạm Gia Kh, sinh ngày 17/01/2019, đến thời điểm xét xử cháu Kh dưới 36 tháng tuổi, hiện nay các con chung đang sống cùng với chị T đồng thời Phạm Tùng C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T về vấn đề nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao Phạm Gia K và Phạm Gia Kh cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật cha, mẹ có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Phạm Tùng C phải có nghĩa vụ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với con chung sau khi ly hôn nên yêu cầu cấp dưỡng của chị T là có căn cứ, được chấp nhận.

Xét về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu cấp dưỡng mỗi cháu 745.000 đồng/tháng, mức yêu cầu này là phù hợp, cơ bản đảm bảo các nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống của con chung. Do đó, để Phạm Tùng C thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên buộc Phạm Tùng C có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 745.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định anh chị tự thỏa thuận; về nợ chung: Chị T xác định không có; Phạm Tùng C không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Dương Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Phạm Tùng C phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Dương Bích T được ly hôn với anh Phạm Tùng C.
2. Về con chung: Giao Phạm Gia K, sinh ngày 17/3/2011 và Phạm Gia Kh, sinh ngày 17/01/2019 cho chị Dương Bích T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Phạm Tùng C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh Phạm Tùng C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 17/3/2011 và Phạm Gia Kh, sinh ngày 17/01/2019, mức cấp dưỡng mỗi cháu 745.000 đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/12/2021) cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T đối với khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng Phạm Tùng C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

- Chị Dương Bích T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012176 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Phạm Tùng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân T, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

